

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày: 09-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mù;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị R, sinh năm 1963, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố NN, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); có chồng tên Mai Văn H, có 04 người con (con lớn nhất sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1992); Tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/9/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thế Anh – Văn phòng Luật sư Chánh Tông thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Tường A, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp TT, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp NT, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp A, xã LMX, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bà Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị R và bà Đoàn Thị Kim H có mối quan hệ kinh doanh mua bán đất với bà Nguyễn Thị Tường B. Vào khoảng cuối năm 2021, bà B có đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 502, 511 tại ấp Lộc Thuận, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của ông Phạm Văn Th với số tiền là 1.300.000.000 đồng. Trong thời gian thực hiện thủ tục chuyển nhượng thì giữa ông Th và ông Phạm Văn M xảy ra tranh chấp đối với phần đất nêu trên nên ông Th khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng để yêu cầu giải quyết. Ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th nên ông M kháng cáo. Do sợ cấp phúc thẩm xử ông Th thua kiện sẽ bị mất tiền cọc, bà B kể lại cho bị cáo R và bà H biết sự việc và nhờ tìm người giúp để xét xử nhanh, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do cần tiền tiêu xài và trả nợ, lợi dụng sự tin tưởng của bà B nên bị cáo R kêu B đưa cho bị cáo R số tiền 60.000.000 đồng để bị cáo R nhờ người có thẩm quyền tại Tòa án tỉnh giúp xét xử theo yêu cầu của bà B. Ngày 11/11/2022 và ngày 13/11/2022, bà B chuyển số tiền 60.000.000 đồng cho bị cáo R qua số tài khoản 102869850060 (Ngân hàng Viettinbank), bị cáo R hứa là 15 ngày sau Tòa án cấp phúc thẩm sẽ đưa vụ án ra xét xử và tuyên y án sơ thẩm. Sau khi nhận tiền, bị cáo R trả nợ và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 18/01/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh không mở phiên tòa nên bà B đến gặp bị cáo R tại nhà thuộc khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để đòi lại tiền nhưng bị cáo R nói đã đưa tiền cho người có thẩm quyền giải quyết vụ án nên bà B và bị cáo R lập biên bản giao nhận số tiền 60.000.000 đồng, nội dung để “chạy án”. Ngày 05/4/2023, bị cáo R điện thoại cho bà B nói Tòa án tỉnh Tây Ninh sắp xét xử vụ án và kêu bà B đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng thì sẽ xét xử nhanh, bà B đồng ý và nhờ Phạm Thị Hải Y (con ruột của bà B) chuyển vào số tài khoản 102869850060 (Ngân hàng Viettinbank) cho Bị cáo R. Ngày 19/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm và tuyên án không giống như yêu cầu nên bà B tìm gặp hỏi thì bị cáo R trả lời không có nhờ ai giúp và đã tiêu xài hết. Ngày 05/4/2024, bà B gửi đơn tố cáo đến Công an thị xã Trảng Bàng giải quyết.

- Tại Kết luận giám định số 1652/KL-KTHS ngày 04/9/2024 của Phòng Kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

+ Chữ viết mang tên Nguyễn Thị R trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A-Giấy biên nhận ngày 18/01/2023) với chữ viết của Nguyễn Thị R trên tài liệu mẫu (Ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị R trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A - Giấy biên nhận ngày 18/01/2023) với chữ viết của Nguyễn Thị R trên tài liệu mẫu (Ký hiệu M) có phải do cùng một người ký ra hay không.

Cáo trạng số 101/CT-VKSTrB ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị R về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị R từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận số tiền bồi thường 80.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày: bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội do bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật. Ngoài ra, trong vụ án này bị hại chủ động liên hệ với bị cáo để nhờ giúp đỡ trong lúc hoàn cảnh của bị cáo gặp khó khăn nên bị cáo mới thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Thống nhất với quan điểm đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo đã lớn tuổi và có nhiều bệnh trong người. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án này là quá nặng đối với bị cáo vì bị cáo chỉ lừa đảo một bị hại và chỉ là một vụ việc nên không thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”.

Viện kiểm sát đối đáp: Việc người bào chữa cho rằng bị hại chủ động tìm đến bị cáo là không đúng diễn biến sự thật khách quan của vụ án. Vì ngay từ đầu bị cáo đã giới thiệu bản thân có nhiều mối quan hệ và có thể giúp được bị hại xử lý công việc theo nguyện vọng của bị hại. Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ‘phạm tội 02 lần trở lên’ là trường hợp người phạm tội có từ 02 lần trở lên phạm cùng một loại tội, trong đó, mỗi lần đều đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, không liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian. Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại 02 lần với số tiền mỗi lần là 60.000.000 đồng

và 20.000.000 đồng nên Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Bị hại trình bày: Bị hại đã nhận lại số tiền 80.000.000 đồng từ ông Mai Văn H (chồng của bị cáo) và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do bị cáo đã lớn tuổi xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Vào khoảng cuối tháng 9/2022 đến ngày 19/4/2023, lợi dụng lòng tin của bà Nguyễn Thị Tường B nên Nguyễn Thị R đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà B 02 lần tiền với tổng số tiền 80.000.000 đồng.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị R phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng đến trật tự an tại địa phương. Do đó, cần nghiêm trị để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại do hành vi của bị cáo gây ra. Bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha chồng là ông Mai Văn L là liệt sỹ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận bị hại đã nhận số tiền bồi thường 80.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thêm

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9, màu đen số Imei: 377175090779967, sim số 0918612170, đã qua sử dụng xét thấy có liên quan đến vụ án cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo R phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị R 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2024.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị hại đã nhận số tiền bồi thường 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và không yêu cầu bồi thường thêm.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9, màu đen số Imei: 377175090779967, sim số 0918612170, đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị R phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm